

SỐ NGƯỜI KHÁM SỨC KHỎE TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Cập nhật đến sáng 3-8-2026)

STT	Phường/xã/đặc khu	Số dân	Số người được khám sức khỏe				Tỷ lệ
			Trong tuần	Từ 1.1 - 24.5	Từ 25.5 đến nay	Cộng dồn	
1	Phường Phước Thắng	53,283	6029	1,775	29,700	31,475	59.07%
2	Xã An Nhơn Tây	45,143	1078	458	21,393	21,851	48.40%
3	Xã Thạnh An	5,212	3	71	2,257	2,328	44.67%
4	Đặc khu Côn Đảo	6,658	151	0	2,615	2,615	39.28%
5	Xã Xuân Thới Sơn	81,539	4996	990	25,342	26,332	32.29%
6	Xã Long Hải	110,726	6800	443	34,279	34,722	31.36%
7	Xã Phước Thành	16,202	1521	89	4,844	4,933	30.45%
8	Xã Bình Khánh	34,497	1234	1,042	9,165	10,207	29.59%
9	Xã Phú Hòa Đông	90,375	1027	1,266	24,551	25,817	28.57%
10	Xã Hóc Môn	77,900	2939	901	20,995	21,896	28.11%
11	Xã Vĩnh Lộc	42,142	2098	1,783	10,000	11,783	27.96%
12	Xã Bà Điểm	124,175	4848	1,135	31,625	32,760	26.38%
13	Phường Tam Thắng	87,713	5665	4,780	18,125	22,905	26.11%
14	Phường Tân Mỹ	73,489	2377	1,510	17,472	18,982	25.83%
15	Xã Đông Thạnh	116,111	9076	1,339	27,422	28,761	24.77%
16	Xã An Thới Đông	22,905	1685	277	5,363	5,640	24.62%
17	Phường Rạch Dừa	78,310	5436	3,697	15,428	19,125	24.42%
18	Xã Nhuận Đức	39,357	3813	514	8,760	9,274	23.56%
19	Xã Kim Long	33,824	1697	240	7,720	7,960	23.53%
20	Xã Đất Đỏ	44,891	5575	66	9,762	9,828	21.89%
21	Xã Bắc Tân Uyên	29,942	127	229	6,288	6,517	21.77%
22	Xã Long Sơn	18,040	951	44	3,873	3,917	21.71%
23	Xã Hòa Hiệp	25,791	455	27	5,446	5,473	21.22%

24	Xã Trừ Văn Thố	30,211	3188	215	6,134	6,349	21.02%
25	Phường Tăng Nhơn Phú	142,476	8018	2,058	27,426	29,484	20.69%
26	Xã Bình Châu	26,506	3209	29	5,158	5,187	19.57%
27	Xã Minh Thạnh	26,623	587	19	5,171	5,190	19.49%
28	Xã Tân An Hội	73,708	3148	871	13,472	14,343	19.46%
29	Xã Bàu Bàng	51,771	745	2,339	7,699	10,038	19.39%
30	Xã Long Điền	49,158	2906	365	9,034	9,399	19.12%
31	Xã Bình Mỹ	72,217	1584	1,567	11,739	13,306	18.43%
32	Xã Tân Vĩnh Lộc	60,460	1332	2,763	8,357	11,120	18.39%
33	Xã Bình Chánh	52,112	3115	1,013	8,498	9,511	18.25%
34	Xã Hiệp Phước	62,519	2322	568	10,438	11,006	17.60%
35	Phường Tân Phước	29,927	2216	362	4,839	5,201	17.38%
36	Phường Tân Tạo	93,374	4569	3,217	12,950	16,167	17.31%
37	Phường Phú Mỹ	91,383	6141	575	15,036	15,611	17.08%
38	Xã Châu Đức	28,584	400	65	4,693	4,758	16.65%
39	Phường Bình Đông	112,014	4111	1,489	16,800	18,289	16.33%
40	Xã Phước Hòa	44,766	1188	123	6,953	7,076	15.81%
41	Phường Long Trường	55,265	4052	661	7,968	8,629	15.61%
42	Xã Châu Pha	26,287	1365	154	3,843	3,997	15.21%
43	Phường Bình Tân	118,262	6410	1,810	16,105	17,915	15.15%
44	Xã Ngã Giao	49,838	4770	111	7,397	7,508	15.06%
45	Xã Dầu Tiếng	39,794	265	776	5,204	5,980	15.03%
46	Xã Hưng Long	52,306	731	1,714	6,090	7,804	14.92%
47	Xã Bàu Lâm	22,715	1442	178	3,205	3,383	14.89%
48	Xã An Long	18,739	123	22	2,731	2,753	14.69%
49	Phường Cát Lái	52,525	863	665	6,807	7,472	14.23%
50	Phường Bà Rịa	52,815	3224	332	6,970	7,302	13.83%
51	Phường Linh Xuân	133,323	5073	1,561	16,801	18,362	13.77%
52	Phường Chánh Hiệp	62,273	722	582	7,968	8,550	13.73%

53	Xã Thái Mỹ	51,590	486	353	6,727	7,080	13.72%
54	Phường Tân Thuận	123,766	4156	2,959	13,844	16,803	13.58%
55	Phường Tân Khánh	147,283	4716	1,111	18,711	19,822	13.46%
56	Phường Đức Nhuận	72,972	1857	1,106	8,503	9,609	13.17%
57	Phường Minh Phụng	86,924	5903	401	10,994	11,395	13.11%
58	Xã Tân Nhựt	60,271	697	1,124	6,758	7,882	13.08%
59	Phường Hòa Bình	54,697	2488	896	6,008	6,904	12.62%
60	Phường An Khánh	65,665	2925	355	7,932	8,287	12.62%
61	Xã Phước Hải	44,014	1301	57	5,479	5,536	12.58%
62	Phường Dĩ An	213,166	4447	885	25,885	26,770	12.56%
63	Phường Tam Bình	134,168	4350	1,705	14,869	16,574	12.35%
64	Xã Xuân Sơn	27,639	133	184	3,164	3,348	12.11%
65	Phường Thủ Dầu Một	99,159	1621	793	11,203	11,996	12.10%
66	Phường Bến Cát	109,167	338	4,872	8,315	13,187	12.08%
67	Xã Xuyên Mộc	27,015	758	84	3,146	3,230	11.96%
68	Phường Bình Thới	69,578	4183	520	7,736	8,256	11.87%
69	Phường Thới Hòa	98,588	468	3,702	7,797	11,499	11.66%
70	Phường Tây Nam	81,750	548	2,324	7,174	9,498	11.62%
71	Phường Long Nguyên	54,770	524	2,892	3,361	6,253	11.42%
72	Phường Thuận An	68,976	1546	628	7,207	7,835	11.36%
73	Phường Vũng Tàu	118,742	3461	1,336	11,927	13,263	11.17%
74	Xã Hòa Hội	36,448	1362	146	3,880	4,026	11.05%
75	Xã Hồ Tràm	52,598	697	1,312	4,410	5,722	10.88%
76	Xã Long Hòa	23,019	158	330	2,155	2,485	10.80%
77	Phường Long Phước	31,076	397	547	2,803	3,350	10.78%
78	Xã Bình Lợi	32,026	495	651	2,788	3,439	10.74%
79	Phường Thủ Đức	113,774	4413	1,005	11,092	12,097	10.63%
80	Phường An Phú	159,352	1875	882	15,883	16,765	10.52%
81	Phường Chợ Quán	60,118	1307	162	6,091	6,253	10.40%
82	Phường Phú Thọ Hòa	143,568	4583	474	14,220	14,694	10.23%

83	Phường Diên Hồng	75,751	2650	533	7,092	7,625	10.07%
84	Phường Bình Phú	74,901	1769	922	6,554	7,476	9.98%
85	Phường Tam Long	43,170	1061	498	3,773	4,271	9.89%
86	Phường Bình Tây	50,990	793	439	4,558	4,997	9.80%
87	Phường Bình Cơ	81,176	155	56	7,776	7,832	9.65%
88	Xã Bình Hưng	75,023	979	1,323	5,892	7,215	9.62%
89	Xã Nhà Bè	145,855	1847	2,489	11,412	13,901	9.53%
90	Phường Bình Hưng Hòa	171,537	2437	2,110	14,204	16,314	9.51%
91	Phường Thuận Giao	157,925	2533	1,879	13,088	14,967	9.48%
92	Phường An Đông	65,237	823	752	5,399	6,151	9.43%
93	Phường Tân Đông Hiệp	114,079	2952	872	9,752	10,624	9.31%
94	Phường Chợ Lớn	72,683	1112	199	6,533	6,732	9.26%
95	Phường Long Hương	32,230	508	798	2,158	2,956	9.17%
96	Phường Phú Lâm	90,999	2782	355	7,897	8,252	9.07%
97	Phường Phú Nhuận	71,135	1814	1,186	5,206	6,392	8.99%
98	Phường Tân Thành	35,215	1409	96	3,046	3,142	8.92%
99	Phường Sài Gòn	38,334	552	552	2,841	3,393	8.85%
100	Phường Xóm Chiếu	64,582	832	560	5,156	5,716	8.85%
101	Phường Phú An	53,125	1811	838	3,847	4,685	8.82%
102	Phường Chánh Phú Hòa	62,451	1252	1,002	4,462	5,464	8.75%
103	Xã Nghĩa Thành	28,311	216	177	2,278	2,455	8.67%
104	Xã Cần Giờ	25,660	245	754	1,454	2,208	8.60%
105	Phường Long Bình	87,176	1871	919	6,496	7,415	8.51%
106	Phường Tân Định	52,219	1454	106	4,275	4,381	8.39%
107	Phường Phú Thọ	58,642	2082	377	4,393	4,770	8.13%
108	Phường Bình Trị Đông	163,826	2442	2,330	10,665	12,995	7.93%
109	Phường Khánh Hội	101,622	2312	690	7,349	8,039	7.91%
110	Phường Tân Hải	31,078	527	144	2,306	2,450	7.88%
111	Xã Củ Chi	114,221	1864	1,201	7,721	8,922	7.81%

112	Phường Tân Sơn Nhất	71,715	1489	227	5,315	5,542	7.73%
113	Xã Bình Giã	34,675	612	37	2,632	2,669	7.70%
114	Phường Thới An	88,246	732	542	6,147	6,689	7.58%
115	Phường Tân Thới Hiệp	124,109	790	1,432	7,895	9,327	7.52%
116	Phường Xuân Hòa	48,143	364	895	2,708	3,603	7.48%
117	Phường Phú Thuận	68,924	849	823	4,315	5,138	7.45%
118	Xã Phú Giáo	44,261	1074	124	3,162	3,286	7.42%
119	Phường Tân Bình	80,702	1220	771	5,162	5,933	7.35%
120	Phường Bình Tiên	89,358	2008	485	6,017	6,502	7.28%
121	Xã Thường Tân	21,055	11	594	929	1,523	7.23%
122	Phường Bình Quới	44,882	538	384	2,852	3,236	7.21%
123	Phường Bình Thạnh	114,155	2894	919	7,215	8,134	7.13%
124	Phường Phú Lợi	123,140	782	1,298	7,462	8,760	7.11%
125	Phường Tân Hiệp	146,977	6404	110	10,308	10,418	7.09%
126	Phường An Phú Đông	91,973	642	1,060	5,402	6,462	7.03%
127	Phường Cầu Kiệu	72,616	664	551	4,525	5,076	6.99%
128	Phường An Lạc	156,798	2054	1,588	9,350	10,938	6.98%
129	Phường Lái Thiêu	112,589	1506	687	6,915	7,602	6.75%
130	Phường Trung Mỹ Tây	104,133	685	1,104	5,805	6,909	6.63%
131	Phường Hiệp Bình	150,839	1227	1,195	8,656	9,851	6.53%
132	Phường Phú Định	137,231	1476	1,318	7,543	8,861	6.46%
133	Phường Tân Sơn Hòa	61,257	774	225	3,709	3,934	6.42%
134	Phường Vườn Lài	104,890	1724	417	6,292	6,709	6.40%
135	Phường Hòa Lợi	97,612	382	1,152	5,080	6,232	6.38%
136	Phường Gò Vấp	89,263	1047	506	5,182	5,688	6.37%
137	Phường Tân Sơn Nhì	106,946	1953	523	6,193	6,716	6.28%
138	Phường Vĩnh Hội	64,621	1384	459	3,587	4,046	6.26%
139	Phường Bình Hòa	123,726	2086	1,031	6,713	7,744	6.26%
140	Phường Bảy Hiền	112,941	2089	630	6,406	7,036	6.23%
141	Phường Hòa Hưng	85,094	949	497	4,799	5,296	6.22%

142	Phường Đông Hưng Thuận	138,793	869	1,313	7,282	8,595	6.19%
143	Phường Tân Phú	96,673	515	722	5,250	5,972	6.18%
144	Phường Phước Long	123,338	1289	847	6,730	7,577	6.14%
145	Phường Bình Lợi Trung	103,995	950	1,492	4,841	6,333	6.09%
146	Phường Tân Sơn	56,491	517	458	2,853	3,311	5.86%
147	Phường Tân Hưng	128,032	484	1,400	6,080	7,480	5.84%
148	Phường Bình Dương	119,459	505	1,147	5,736	6,883	5.76%
149	Phường Nhiêu Lộc	107,893	1162	422	5,724	6,146	5.70%
150	Phường Chánh Hưng	195,356	1368	2,639	8,482	11,121	5.69%
151	Xã Thanh An	26,621	162	398	1,107	1,505	5.65%
152	Phường Bình Trưng	100,953	569	602	4,757	5,359	5.31%
153	Phường Đông Hòa	140,991	3101	790	6,669	7,459	5.29%
154	Phường Vĩnh Tân	69,814	618	296	3,391	3,687	5.28%
155	Phường Hạnh Thông	107,188	420	1,035	4,293	5,328	4.97%
156	Phường Thạnh Mỹ Tây	144,301	953	1,437	5,618	7,055	4.89%
157	Phường An Hội Tây	119,113	830	313	5,400	5,713	4.80%
158	Phường Tân Uyên	81,127	783	344	3,397	3,741	4.61%
159	Phường An Hội Đông	102,290	1045	937	3,645	4,582	4.48%
160	Phường Thông Tây Hội	118,648	728	182	5,080	5,262	4.43%
161	Phường An Nhơn	95,800	339	166	4,045	4,211	4.40%
162	Phường Phú Thạnh	95,257	708	686	3,448	4,134	4.34%
163	Phường Tân Hòa	79,350	759	235	3,168	3,403	4.29%
164	Phường Tây Thạnh	66,900	271	271	2,553	2,824	4.22%
165	Phường Bàn Cờ	84,496	551	182	3,128	3,310	3.92%
166	Phường Gia Định	128,942	916	1,117	3,925	5,042	3.91%
167	Phường Cầu Ông Lãnh	86,296	424	263	2,850	3,113	3.61%
168	Phường Bến Thành	62,361	312	235	1,426	1,661	2.66%

